TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 176/2018/DS-PT
Ngày: 24 - 9 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp Bá H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1940 (vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Thanh P, sinh năm 1950 (vắng mặt)
2. Bà Diệp Mỹ T, sinh năm 1970 (không triệu tập)
3. Anh Nguyễn Tuấn V (V A), sinh năm 1993 (không triệu tập)
4. Anh Nguyễn Tuấn V1 (V1 E), sinh năm 1995 (không triệu tập)
5. Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1999 (không triệu tập)
6. Ông Trương Chí D, sinh năm 1955 (không triệu tập)

7. Ông Bùi Việt T, sinh năm 1952 (không triệu tập)

8. Ông Lê Văn C, sinh năm 1948 (không triệu tập)

9. Ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1962 (không triệu tập)

10. Ông Trần Văn B, sinh năm 1945 (không triệu tập)

11. Bà Lê Thị N (không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

12. Ông Trương Thành Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

13. Ủy ban nhân dân huyện Đ. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

14. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Minh Đ trình bày:

Vào năm 1995 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện Đ thành lập Ban chỉ đạo xây dựng khu dân cư ấp B1 (viết tắt là Ban chỉ đạo). Sau khi được thành lập, Ban chỉ đạo đã san lấp mặt bằng phần đất do UBND xã T3 cũ (nay là xã T) quản lý và bán cho ông 01 nền nhà ngang 04m x 11m với giá là 700.000 đồng (ông đã nộp tiền cho Ban chỉ đạo), sau đó được ông Lê Văn C – thành viên Ban chỉ đạo tiến hành giao định vị nền nhà ở vị trí số 3 (cặp xi tẹc nước), khi giao nền nhà có cặm mốc nhưng không lập thành biên bản. Thời điểm này do chưa có nhu cầu nên ông đã nhận nhưng chưa sử dụng đối với nền nhà này; thời gian sau thì ông Trương Thanh P mới đến xây dựng nhà máy chà cặp phần nền nhà ông được cấp. Đến năm 1998, ông Nguyễn Văn B hỏi mượn phần nền nhà của ông che mái làm chỗ đỗ vỏ Composite (khi mượn không có làm giấy tờ) nhưng có ông Bùi Việt T đến đo đạc phần đất cho ông B mượn. Đến năm 2004 – 2005 ông yêu cầu ông B trả lại phần đất thì biết ông B đã xây nhà trên phần đất nên có yêu cầu đến địa phương giải quyết, khi này ông B thừa nhận có lấn chiếm và chấp nhận trả phần nền nhà có chiều ngang 04m x 5,5m (hồ sơ giải quyết tranh chấp hiện đã bị thất lạc).

Ông không biết ông Trương Thanh P làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng bao trùm luôn phần nền nhà của ông đã mua của Ban chỉ đạo và hiện nay ông B và ông C đã xây dựng nhà kiên cố đang sử dụng chung cùng với vợ, con của ông C.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông B và ông C trả lại phần đất nền nhà ngang 04m x 11m với diện tích 44m^2 tại ấp B, xã T và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận mà UBND huyện Đ đã cấp cho ông P liên quan đến phần đất ông đã mua của Ban chỉ đạo.

Tại phiên tòa, ông Đ rút lại yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận của ông P để yêu cầu sau.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Phần đất ông đang sử dụng trước đây do UBND xã T3 (cũ) xây dựng trụ sở làm việc, sau khi di dời trụ sở đi nơi khác thì phần đất bỏ hoang; vào năm 1992 cha ông là Nguyễn Văn B vào khai phá xây cất nhà trại đóng xuồng. Năm 1993 ông B đã làm đơn xin đất và đến năm 1994 được UBND xã T chứng thực cho sử dụng phần đất kích thước ngang 20m x 20m với diện tích 400m^2 để cất trại mộc. Vào năm 1995, UBND xã T thành lập khu dân cư ấp B và giao cho Ban quản lý chợ san lấp mặt bằng (trong đó có phần đất ông B đã xin cất nhà trước đây) và phân lô bán nền nhà cho các hộ dân. Trong phần đất cha ông đã xin trước đây thì Ban quản lý chợ có bán nền nhà và thu tiền của bà Lê Thị N, ông Trương Thành Đ (không nhớ kích thước) và phần đất còn lại thu tiền của ông B số tiền là 1.015.000 đồng. Đến năm 2001 ông B đã mua phần nền nhà của bà N và ông Đ. Từ năm 2001 đến năm 2012 ông đã xây dựng 05 căn nhà liền kề nhau sử dụng chung với các thành viên hộ gia đình gồm bà Diệp Mỹ T, anh Nguyễn Tuấn V (V A), anh Nguyễn Tuấn V1 (V1 E) và chị Nguyễn Thúy A. Phần đất này ông và ông B chưa được cấp Giấy chứng nhận nhưng ông biết được, phần đất này nằm trong Giấy chứng nhận của ông Trương Thanh P đã được cấp vào năm 1994.

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận của ông P để cấp lại cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 08/11/2017 của ông Trương Thanh P thể hiện: Do công việc gia đình nên xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 08/12/2017 của ông Trương Chí D thể hiện: Trước đây ông được phân công làm Trưởng ban chỉ đạo, giám sát xây dựng khu dân cư ấp 9 (ấp B), do sức khỏe nên ông đã giao lại cho ông Bùi Việt T và ông Trương Chí V. Do thời gian đã lâu và phần vì sức khỏe nên ông không nhớ chính xác nên xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 08/12/2017 của ông Bùi Việt T thể hiện: Trước đây ông Nguyễn Văn B (cha của ông C) có mượn phần nền nhà của ông Đ để che tạm thời sử dụng nhưng sau này ông B, ông C cất nhà trên phần đất của ông Đ nên việc ông Đ khởi kiện là đúng. Ông xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 22/12/2017 của ông Lê Văn C thể hiện: Do không biết chạy xe và già yếu nên xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 13/12/2017 của ông Lâm Hoàng T thể hiện: Do công việc gia đình nên

xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 08/12/2017 của ông Trần Văn B thể hiện: Do đã lớn tuổi không còn nhớ về việc sang, bán đất của ông Đ nên xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin từ chối tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 08/12/2017 của ông Trương Thành Đ thể hiện: Trước đây ông được Ban quản lý chợ ấp 9 (ấp B) bán cho 01 nền nhà, do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã thỏa thuận đổi cho ông C bằng chiếc vỏ. Hiện phần đất không còn liên quan đến ông nên ông xin không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đồng ý để Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản số 1090/UBND-VP ngày 12/4/2018 và đơn xin vắng mặt ngày 28/5/2018 của UBND huyện Đ thể hiện:

- Ông Trương Thanh P được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện đồng loạt cho tất cả các hộ dân trên địa bàn huyện nói chung và địa bàn xã T nói riêng.

- Theo hồ sơ đo đạc, thẩm định phần đất tranh chấp vào ngày 17/5/2017, thì phần đất tranh chấp có diện tích 44m^2 nằm trong thửa đất số 285, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ 299), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trương Thanh P vào năm 1994.

- Do công việc nên UBND huyện Đ xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án các cấp đối với vụ án dân sự này. Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, UBND huyện Đ sẽ thực hiện nghiêm các phán quyết của Tòa án.

Theo báo cáo số 117/BC-UBND ngày 09/4/2018 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/6/2018 của UBND xã T thể hiện:

- Ban chỉ đạo khu dân cư ấp B được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-UB ngày 06/12/1995 đã ngưng hoạt động và giải thể vào năm 1999.

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo gồm: 01 Trưởng ban, 02 Phó trưởng ban, 01 Thư ký, 01 Kế toán và 01 Thủ quỹ. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ giám sát, đo đạc định vị phân lô cấp cho hộ dân có nhu cầu về nhà ở, do dân tự phát, xã có ký một số văn bản cho thành lập Ban chỉ đạo công trình do ông Đỗ Hoàng Ng ký có 02 khu san lấp. Khu A thuộc vị trí trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Thanh P, có thiết kế bản vẽ do Ban chỉ đạo tự vẽ và được UBND xã ký khoảng 80 nền, nguồn kinh phí bán trả lại tiền thuê san lấp mặt bằng không lợi nhuận, ông Đ có mua 01 nền, ông B có mua 03 nền nhưng chỉ trả tiền 02 nền còn 01 nền xã giải quyết cấp cho ông B.

- Ý kiến của UBND xã về việc Ban chỉ đạo đã san lấp mặt bằng, bán nền nhà cho người dân vào thời điểm năm 1995 do nhu cầu thực tế, hiện nay UBND xã đang tiến hành thỏa thuận với ông P về những vấn đề có liên quan.

- Quá trình Tòa án giải quyết, UBND xã đã có báo cáo số 117/BC-UBND gửi đến Tòa án nên xin không tham gia phiên tòa xét xử vào ngày 27/6/2018.

Đối với ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N, bà Diệp Mỹ T, anh Nguyễn Tuấn V (V A), anh Nguyễn Tuấn V1 (V1 E) và chị Nguyễn Thúy A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ nhưng các đương sự này không có ý kiến gì. Qua các lần triệu tập tham gia hòa giải, xét xử thì các đương sự này đều vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm dân sự số 50/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, các điều 157, 165 và 188, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 6, 24, 26, 28, 38, 39 và 49 Luật Đất đai năm 1993; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ về hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Thanh P.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C cùng bà Diệp Mỹ T, anh Nguyễn Tuấn V (V A), anh Nguyễn Tuấn V1 (V1 E) và chị Nguyễn Thúy A trả lại phần đất nền nhà có kích thước 04m x 11m với diện tích 44m^2 (bốn mươi bốn mét vuông) tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có sơ đồ thẩm định kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/7/2018 ông Hồ Minh Đ kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ trình bày căn cứ kháng cáo do phần đất này ông B mượn của ông, có sự xác nhận của ông L việc ông B mượn đất, yêu cầu xem xét lại án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông Đ vẫn khẳng định phần đất đang tranh chấp diện tích 44m^2 do ông C và ông B xây dựng nhà là của ông vì phần đất này ông đã nhận chuyển nhượng từ UBND xã T vào năm 1995.

[2] Xét lời trình bày của ông Đ thấy rằng: Phần đất ông chuyển nhượng từ UBND xã T diện tích 44m^2 là có, tuy nhiên phần đất này đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Trương Thanh P với diện tích 8.600m^2 vào ngày 02/5/1994 theo Quyết định số 111-QĐ/UB ngày 29/11/1993 cấp đồng loạt cho 239 hộ dân. Khi tiến hành chủ trương san lấp mặt bằng bán nền nhà cho người dân vào thời điểm năm 1995 thì đất này đã được cấp cho ông P mà không có quyết định nào thu hồi hoặc hủy quyết định cấp đất cho ông P và UBND xã T hiện nay cũng đang thỏa thuận với ông P các vấn đề có liên quan.

[3] Thực tế UBND xã chuyển nhượng cho ông và ông chưa sử dụng, tuy nhiên ông cho rằng ông cho ông B mượn, ông B không thừa nhận và ông B chứng minh vào thời gian năm 1994 ông B làm đơn xin đất, được UBND xã T chấp thuận với diện tích là 20m x 20m và đã xây nhà trên đất tranh chấp vào năm 2001 và năm 2012, phần đất được cấp trước thời điểm ông chuyển nhượng đất với UBND xã T. Ông B được cấp phần đất có phía tây tiếp giáp với Xitec nước. Tại phiên tòa, ông Đ khẳng định vị trí đất ông được giao là tại phần đất đang tranh chấp nhưng không có chứng cứ để chứng minh và thực tế ông Đ cũng không sử dụng đất chuyển nhượng, nên chỉ căn cứ vào xác nhận của ông Hà Thành L cho rằng ông B chấp nhận trả đất cho ông Đ là chưa đủ căn cứ để xác định phần đất này là của ông Đ.

Phần đất tranh chấp ông B, ông C và ông Đ chưa ai được cấp quyền sử dụng đất. Nếu có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đ là ông B mượn đất đi nữa thì cũng không thể buộc ông B, ông C giao trả đất cho ông Đ vì ông Đ chưa có quyền sử dụng đất hợp pháp, ông Đ chuyển nhượng đất từ UBND xã T nhưng UBND xã T không có đất để chuyển nhượng. Hiện UBND xã T đang xử lý, do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất, đề nghị này có cơ sở được chấp nhận.

[4] Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.342.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là chưa đầy đủ và chính xác. Cần căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết nêu trên để buộc ông Đ chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, do đó chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ về án phí. Ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Minh Đ về phần án phí. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, các Điều 157, 165 và 188, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 24, 26, 28, 38, 39 và 49 Luật Đất đai năm 1993; Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ về hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Thanh P.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn C cùng bà Diệp Mỹ T, anh Nguyễn Tuấn V (V A), anh Nguyễn Tuấn V1 (V1 E) và chị Nguyễn Thúy A trả lại phần đất nền nhà có kích thước 04m x 11m với diện tích 44 m^2 tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có sơ đồ thẩm định kèm theo).

3. Chi phí thẩm định và định giá tài sản ông Hồ Minh Đ phải chịu 1.500.000 đồng (ông Đ đã thanh toán xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Minh Đ phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 21/3/2017 ông Đ đã dự nộp số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008647 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

Án phí phúc thẩm ông Hồ Minh Đ không phải chịu. Ngày 16/7/2018 ông Đ đã dự nộp số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010137 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà